

ĐỀ 1

I. PHẢN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

[...]Dần đi ở từ năm chửa mười hai. Khi ấy, đầu nó còn để hai cái trái đào. Nó mới biết cầm vững cái chổi để quét nhà và thổi một niêu cơm con con không sống, không khô. Mẹ nó vốn nghèo từ trong trứng nghèo ra, nên hay liệu, hay lo. Thị nghĩ rằng: Con mình đã lớn rồi, phải uốn nắn ngay đi. Nhà mình vườn ít, ruộng không, cửi vải cũng không, nghĩa là công việc chẳng có gì; nó ở nhà cũng chỉ chơi; để mặc nó lêu lổng chạy ra ngoài đường, đánh chắt, đánh ô, rồi nó hư thân; chi bằng cho nó đi ăn đi ở với người ta, để người ta bắt nó cất nhắc việc nọ, việc kia cho nó quen tay; có việc làm rồi mới biết việc mà làm, chỉ không nhổng chơi quen, đến lúc phải làm tất gờ guộng chân tay, chẳng đánh đổ cái này cũng đánh vỡ cái kia, cái thứ con gái mà cầm đến cái gầu không biết tát làm sao, đưa cho đám mạ không biết cấy thế nào, bảo ngòi lên khung cửi nhắc lấy cái thoi thì lúng ta lúng túng, là thứ con gái đáng cho hùm ăn thịt. Thị nhất định cho Dần đi ở để học cho quen công việc cửi vải, ruộng vườn, sau này độ cái thân: ấy là cái lợi xa xôi. Nhưng lại còn cái lợi nhãn tiền: nhà đỡ một miệng ăn. Nếu bớt được mỗi ngày vài lẻ gạo, thì ít ra các em Dần cũng được no hơn. Rồi có được đồng công nào cũng là hay. Mà chẳng được thì mỗi năm người ta cũng thí bỏ cho cái quần, cái áo. Bố mẹ, nếu chẳng được nhờ con thì cũng chẳng còn phải lo lắng gì vào thân nó.

Dần đi ở. Nó ở cho nhà bà chánh Liễu. Nhà bà chánh dệt chín mười khung cửi. Bà thuê Dần, với hai con bé nữa, để chúng dọn vật và trông nom ống suốt: Năm đầu, công cả năm có một đồng, với một cái áo cánh vải to, một cái quần sòng, một cái thắt lưng. Nhưng nếu chịu khó và ngoan thì bà sẽ cho hơn. Còn cái sự ăn (bà giao hẹn cả với người ta vì tính bà rất phân minh) thì bà cũng không dám nói chắc rằng đói hay no; bởi vì tiếng rằng giàu, nhưng nhà bà cũng cơm chia: sáng, mỗi người một lùm; trưa, ba lượt thật đầy; tối, củ khoai, củ ráy, bụng trẻ con, như vậy, thì có lẽ cũng không phải đói. Mẹ Dần cho như thế đã là hậu quá. Bởi vì thật ra, ở nhà Dần, Dần có được ăn ba bữa thế đâu.[...]. Con người ta, có cơm vào là có da, có thịt ngay. Chẳng lâu đâu. Người mẹ nghĩ và mừng. Thị chắc chỉ vài, ba tháng sau, nếu Dần được một ngày rồi rãi về chơi với các em, cả nhà sẽ ngạc nhiên thấy nó béo như con cun cút. Mà trắng, mà đẹp, mà lành lặn, ra phết cô con gái lắm!...

Mơ ước hão! Bởi vì ít lâu nay, Dần có về thật, nhưng nó vẫn gầy như một cái que. Nó khóc hu hu. Nó đòi ở nhà với các em, muốn cho ăn thế nào thì cho, muốn bắt làm gì thì bắt, chỉ đừng bắt nó ở cho nhà bà chánh nữa. [...]Mẹ Dần nhất định không nghe. Thương con thì để bụng. Nuông con thì giết con đi. Trẻ con đứa nào chả thích ở nhà với bố, với mẹ để chẳng người nào động đến thân? Đi ở cho nhà người ta, ăn cơm của người ta, lấy công của người ta, thì cố nhiên là phải làm cho đáng cơm, đáng công của người ta. Làm không được người ta thiệt thì người ta xót. Người ta xót thì người ta phải nói. Nói, mình nghe thì chớ, không nghe thì người ta phải chửi, phải đánh. Người ta đánh chửi cho là phúc nhà mình đấy, không đánh, không chửi, sao có nên thân người được? Thị bảo Dần: "Mày có hư

thì người ta mới đánh; đánh thế chứ đánh nữa tao cũng không thương chút nào; mà muốn sống, thì về nhà bà chánh mà ở, không về thì đi đâu mặc kệ! Tao không chứa, tao không lấy gì nuôi được mà...".

Hỡi ôi! Người mẹ rất đáng thương của Dần chết đến hôm nay đã quá một năm rồi. Nghĩ đến mẹ lúc nào, Dần cũng ngậm ngùi. Bởi vì bà nói thế, nhưng bà chẳng nghĩ thế đâu. Khi đã cố làm ra mặt hắt hủi để cho Dần chịu đi rồi, bà ôm mặt khóc hu hu. Bà bảo chồng rằng: "Nghĩ đến con lúc nào thì thương con đứt ruột. Nhưng biết làm sao? Trời bắt tội mình nghèo. Nó ở nhà mình thì ăn cũng chẳng bao giờ được bữa no. Đã đành ăn không no, nó cũng còn sướng hơn ở nhà bà chánh, được ăn no. Nhưng mình liệu có nuôi được nó suốt đời không? Rồi chỉ vài ba tuổi nữa, có ai thương đến nó, xin nó cho con nhà người ta, mình đừng gả hay sao? Về nhà chồng mà thổi cơm không chín, quét nhà chẳng nên thì liệu người ta có khỏi đào ông, bới cha không? Và lại cái đời nó còn dài. Không bắt nó ép mình, ép xác cho quen, rồi khổ ngay vào chính cái thân của nó. Mình nghĩ đến nó nhiều chứ có phải bắt nó đi ở để hòng được lợi mỗi năm một vài đồng bạc công đâu?".

Dần ở cho nhà bà chánh Liễu đúng hai năm. Nó mới về nhà từ dạo đầu giêng. Vụ mùa năm ngoái, mẹ Dần đi tả mấy con, rồi lại không chịu kiêng khem, cứ đi làm; mưa nắng nhiễm vào người - mà sức một người vừa mới ốm xong còn được bao nhiêu? Thị phải lại một trận kịch liệt rồi thì chết. Thành thử nhà chỉ còn một bố, là đàn ông, với hai đứa trẻ con, vất gì mũi chưa được sạch: chúng nó chưa biết làm gì cả [...] Bố Dần, cố đợi hết năm, đến nói với bà chánh Liễu xin cho con gái mình về. Dần ở nhà coi sóc các em, chăm mấy sào vườn bòn bán, nhật nhật để cho bố đi làm. Bốn bố con liụ nhụ nuôi nhau. Con nhà nghèo thường sớm biết, sớm khôn. Dần mới mười lăm mà đã quán xuyến được mọi việc trong nhà, biết suy tính, biết liệu lo, chẳng kém gì một người nội trợ đã sành sỏi lắm. [...]

(Trích *Một đám cưới*, 1944; Rút trong *Tuyển tập Nam Cao*, NXB Thời đại, 2010, tr.282)

Câu 1. (1,0 điểm) Chỉ ra một đoạn có sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản "*Một đám cưới*"

Câu 2. (1,0 điểm) Xác định người kể chuyện trong văn bản "*Một đám cưới*"

Việc lựa chọn người kể chuyện này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm?

Câu 3. (1,0 điểm) Theo văn bản, vì sao mẹ cho Dần đi ở từ năm chửa mười hai?

Câu 4. (1,0 điểm) Suy nghĩ của anh/chị về cách dạy con của mẹ Dần.

Câu 5. (1,0 điểm). Chỉ ra hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ trong các trường hợp sau và phân tích tác dụng biểu đạt của những cách diễn đạt này:

Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

(Nguyễn Tuân, *Chữ người tử tù*)

Câu 6 (1,0 điểm). Hãy nêu bài học sâu sắc nhất anh/chị có được sau khi đọc hiểu đoạn trích và giải thích lí do.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội được gọi ra từ văn bản “*Một đám cưới*”

-----**HẾT**-----

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm):

Đọc văn bản sau:

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng, rất tận tâm. Và lại Hộ, đối với Từ, còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đã đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến: Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần... Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ, Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ đứng ra làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa, thì cũng chưa đủ để đền ơn. Bởi thế, nên luôn mấy năm trời, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm.

Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bây giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lý gì đối với gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tầm mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhep, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiêng răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hắn! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn! Hắn chính là một kẻ bất lương! Sự cầu

thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện.

(Trích **Đời thừa** – Nam Cao)

Câu 1. (1,0 điểm) Chỉ ra một đoạn có sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản “*Đời thừa*”

Câu 2. (1,0 điểm) Xác định người kể chuyện trong văn bản “*Đời thừa*”

Việc lựa chọn người kể chuyện này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm?

Câu 3. (1,0 điểm) Theo văn bản, từ khi có gia đình, Hộ trở thành nhà văn như thế nào?

Câu 4. (1,0 điểm) Phân tích ý nghĩa của câu sau: Khốn nạn ! Khốn nạn! Khốn nạn thay cho hấn! Bởi vì chính

hấn là một thằng khốn nạn! ...

Câu 5. (1,0 điểm) Tìm hiện tượng đảo trật tự từ ngữ trong các trường hợp sau và phân tích tác dụng của các trường hợp này:

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,

Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,

Làm giật mình một cô nàng yếm thắm

Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Anh Thơ, Chiều xuân)

Câu 6. (1,0 điểm) Sau khi đọc văn bản, em nêu nhận xét về cuộc đời, số phận của bộ phận trí thức tiểu tư sản Việt Nam những năm trước Cách mạng tháng Tám qua nhân vật Hộ

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội được gợi ra từ văn bản “*Đời thừa*”.

-----HẾT-----

ĐỀ 3

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CƠM MÙI KHÓI BẾP

Bốn năm từ ngày lấy vợ, Tết này anh mới đưa được cả vợ và con về quê. Từ Sài Gòn về miền Trung không hẳn quá xa, nhưng vì có đưa con nhỏ nên chuyện đi lại khó khăn.

Mấy lần trước anh chỉ về một mình, dăm hôm lại trở vào. Lần này cả nhà mới được về quê, cho đứa con ăn Tết quê nội lần đầu.

Bà mẹ ngoài sáu mươi đơn đã chạy ra tận ngõ đón. Lưng bà đã bắt đầu cong hình đòn gánh. Tay phải bà cắp bông đĩa cháu nội, tay trái vẫn chèo móc thêm một túi xách. Đặt xong đồ đạc vào góc nhà, bà bảo: “Chắc bây đói bụng rồi, để mẹ đi nấu cơm cho ăn”.

Cô con dâu còn mệt hơi xe đạp: “Chúng con ghé ăn trên thị xã rồi mới về đây”. Nói xong cô quay sang chồng: “Bún nuốt chả trôi nữa là cơm”. Bà hơi chạnh lòng: “Về tới xứ mình rồi còn ăn chi dọc đường dọc sá cho tốn tiền. Thôi ra rửa ráy, để mẹ đi pha nước chanh cho bây uống. Chanh vườn nhà mình chứ không phải chanh Tàu đâu. Uống vô cái khỏe liền”.

Anh cười, bảo mẹ khách sáo quá, con cái chứ có phải ai xa lạ mà cung rước mời mọc. Bà móm mém: “Thì bây đi cả, nhà vắng vẻ mấy lâu. Thấy có người mừng quá. Ba năm là cả ngàn ngày chứ có ít ỏi chi”.

Hôm sau bà lọ mọ dậy từ lúc trời chưa hửng sáng, nhóm lửa rơm, bắc nồi cơm. Thằng cháu nội ba tuổi chạy xuống thấy khói bếp bốc ngùn ngùn, khiếp quá hét toáng lên: “Cháy nhà”.

Anh chị đang ngủ giật mình vùng dậy. Anh bảo nhà đã có bếp gas, mẹ nấu gì thứ rơm đó nữa cho cực. Bà cười: “Tụi bây ăn cơm nồi cơm điện thành phố rồi, về quê mẹ nấu cơm lửa rơm cho thơm mùi đồng mùi rạ. Mà cơm nấu rơm mới có miếng cháy ăn giòn. Máy hỏi anh nhỏ, bữa ăn không có miếng cơm cháy là giã nãy lên bướng bình chẳng chịu ăn. Nhớ không.”

Trời rạng tung từng sáng, thấy khói bay lên lèn qua mái tranh, anh chột bụi ngủi. Nhớ ngày xưa còn nhỏ, sáng sớm anh chạy xuống bếp nằm cuộn trong lòng mẹ ngủ nướng thêm một lúc. Thức giấc giờ nắp nồi ngửi mùi cơm. Rồi lấy đĩa xới hết cơm lên để lột miếng cháy ở đáy rồi ăn trước. Lớn lên vào Sài Gòn lập nghiệp, cưới vợ sinh con ở đây, xa cái bếp quê dần thành quên. Vội lại ở trong đó, đâu có mấy ai ăn sáng ở nhà. Cái bụng cũng “lười” và “yếu” đi, sáng phải bún hoặc cháo mới nuốt nổi. Giờ về thấy cơm, thèm thì thèm thật nhưng ăn chi vô.

Cô con dâu bảo: “Mẹ bày ra nấu bữa sáng làm gì cho cực. Chúng con ra quán ăn miếng là rồi việc”. “Bây nói chi lạ. Ăn uống phải đàng hoàng chớ. Bữa sáng là quan trọng lắm. Không ai thương bằng cơm thương đâu con. Ăn cơm chắc bụng no lâu. Mấy cái thứ bún cháo nước ơng ệu, chỉ nhaoáng là đói lại liền à.” - Bà vừa san cơm ra chén vừa nói.

Ba chén cơm trắng, đĩa cá đồng kho nghệ. Anh háy mắt qua vợ, ý bảo ăn đi, ăn lấy lòng mẹ một miếng. Chị lại háy mắt qua anh lắc đầu, có mà sức Thánh Gióng mới nuốt trôi. Thằng cu con nhìn chăm chăm chén cơm. Cuối cùng chỉ có anh trệu trạo làm được ba miếng, như là ăn tượng trưng cho mỗi người một miếng. Tranh thủ lúc mẹ đi ra giếng, anh lùa cả ba chén cơm trắng vào lại nồi.

Sáng hôm sau bà lại dậy sớm. Lại nhóm bếp rơm nấu cơm. Xong bữa nôi cơm không vui được là mấy, vẫn đầy như lòng mẹ. Anh gắng ăn được nửa chén. Chén lòng san đôi cho mẹ cho vợ. Anh dối mẹ chờ vợ con đi xem chợ Tết, đi thăm thú làng quê, thực chất là để ghé quán cho vợ con ăn bún ăn cháo.

Anh tự nhủ sáng mai phải thức sớm ngồi nấu bếp với mẹ như xưa. Tự nhủ sáng mai phải ăn chén cơm đầy với mẹ, nhai một miếng cơm cháy giòn thơm. Nhưng lâu ngày giờ về quê gặp lại bạn bè người thân, chỗ này mời chén rượu, chỗ kia mời bữa cơm. Cơm rượu quê hàn huyên câu chuyện ngày dài tới tận khuya. Hôm sau thức dậy đã sáng trọt sáng trời, cổ họng khô khốc không ăn nổi cơm dẻo, hướng hồ là miếng cơm cháy.

Chưa hết Tết, mới ngày mừng bốn anh lại phải đưa vợ con vào Sài Gòn. Bà mẹ dậy sớm làm gà, nấu cơm. Vẫn một mình bà cặm cụi với cái bếp. Bà xúc đầy cơm vào chiếc ca mèn. Gà luộc cho vào hộp đựng. “Bây đem lên xe mà ăn. Cơm dọc đường dọc sá không ngon đâu”.

Con cháu lên taxi rồi bà còn dặn theo: “Vào trong nhớ ăn uống đàng hoàng nghe bậy. Đừng bỏ bữa sáng. Không ai thương bằng cơm thương”.

Vào tới Sài Gòn ca mèn cơm vẫn còn một nửa. Vợ định đem đi đổ. Anh can, bảo để đấy, phơi khô cất giữ làm kỷ niệm.

Qua tháng ba nghe tin mẹ bệnh, anh tức tốc về nhà. Nằm trên giường, gặp con, câu đầu tiên bà hỏi: “Con ăn chi chưa. Mẹ không bắc cơm được. Thôi ra đầu chợ ăn tạm. Bữa nào khỏe mẹ nấu cơm cho ăn. Tội nghiệp”.

Nhưng mẹ không khỏe nữa, yếu dần, được thêm hai bữa thì nhắm mắt.

Đưa mẹ ra đồng xong, về nhà nhìn chén cơm trắng đặt trên bàn thờ, anh thấy nhói lòng. Ân hận. Thế là hết cơ hội được ăn với mẹ một chén cơm sáng thật đầy, để nghe mẹ nói câu “Không ai thương bằng cơm thương”. Tiếc nuối. Thêm miếng cơm cháy mẹ nấu quá. Giòn và thơm, mùi hương đồng mùi nước quê, cả mùi khói bếp. Chỉ có mẹ mới nấu được miếng cơm cháy ngon như thế.

Hôm lên đường vào Sài Gòn, anh dậy sớm nấu chén cơm đặt lên bàn thờ mẹ. Anh tự mình vo gạo, tự mình nhóm bếp rơm. Loay hoay một hồi. Bếp nhà đầy khói. Và khói...

(Theo Hoàng Công Danh, in trong *Chuyến tàu vé ngắn*, NXB Trẻ, 2016, tr. 9 - 54)

Câu 1. (1,0 điểm) Chỉ ra một đoạn có sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản “Cơm mùi khói bếp”.

Câu 2. (1,0 điểm) Xác định người kể chuyện trong văn bản “Cơm mùi khói bếp”. Việc lựa chọn người kể chuyện này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm?

Câu 3. (1,0 điểm) Theo văn bản, vì sao khi mẹ mất, nhân vật “anh” cảm thấy “nhói lòng”, “ân hận”, “tiếc nuối”?

Câu 4. (1,0 điểm) Phân tích ý nghĩa của hình ảnh khói bếp trong văn bản “Cơm mùi khói bếp”.

Câu 5. (1,0 điểm) Tìm hiện tượng đảo trật tự từ ngữ trong các trường hợp sau và phân tích tác dụng của các trường hợp này:

Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!

Rừng cọ đồi chè, đồng xanh ngào ngạt

Nắng chói sông Lô, hò ô tiếng hát

Chuyến phà dào dạt bến nước Bình Ca...”

Câu 6. (1,0 điểm) Sau khi đọc văn bản, em hãy phân tích giá trị của gia đình đối với bản thân.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội được gợi ra từ văn bản “Com mui khói bếp”.

-----HẾT-----

ĐỀ 4

I. PHẦN ĐỌC (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

SÓI TRẢ THÙ

Nguyễn Huy Thiệp

Ở Hua Tát có gia đình thợ săn họ Hoàng. Đến đời Hoàng Văn Nhân thì tiếng tăm của gia đình này đã vang dội khắp các bản mường. Nhân bắn rất giỏi, ông luôn là người cầm chịch trong các mùa săn. Ông không biết sợ là gì. Điều này giống như cha ông, ông nội ông và cụ nội ông. Nhân có hai vợ nhưng cả hai bà đều không có con cái. Ngoài năm mươi tuổi, Nhân lấy thêm một bà vợ nữa và may mắn thay, bà ba sinh hạ cho ông được một đứa bé đẹp như tiên ông. Ông Nhân đặt tên cho con là Hoàng Văn San. Từ năm tuổi, San đã theo cha vào rừng. Ông Nhân quyết chí rèn cặp cho con cũng thành một chàng thợ săn lão luyện. Các bô lão trong bản khuyên ông:

- Hãy để thằng San qua tuổi mười ba là tuổi ma bắt. Hãy biết sợ rừng, cho nó vào rừng sớm quá là không tốt đâu!

Ông Nhân trả lời:

- Năm tuổi cha tôi cũng đã cho tôi vào rừng rồi đấy!

Các bô lão bảo:

- Thời xưa khác, thời nay khác. Cha ông có bốn người con, còn ông chỉ có một...

Ông Nhân cười khẩy. Bọn trẻ chúng ta cũng hay cười khẩy với những người già như thế. Ta không biết rằng lời nói của những người già đôi khi giống như những lời tiên tri. Người già biết sợ, có điều sợ không phải là điều đáng thích thú gì...

San lớn dần lên, tám tuổi thì nó đã bắt được cả gà lôi, mười tuổi thì nó đã bắt được mười phát trứng bầy. Ông Nhân thấy rằng cũng đã đến lúc phải cho con mình đi săn thú dữ. Năm mười hai tuổi, ông Nhân cho con ông đi săn chó sói.

Lần ấy, phường săn đi theo ông Nhân để có ba chục người. Chó sói là loài thú khôn ngoan và cũng không kém kiêu hãnh ở rừng. Nó ác độc và mưu mẹo. Khi bị phường săn tấn công, nó tản ra và chịu hy sinh một số con mồi để cứu những con chủ yếu nhất đàn. Ông Nhân là người có kinh nghiệm, ông để một số thợ săn đuổi theo những con sói mồi, còn ông và những người khác không chịu buông tha những con chủ yếu. Ông không mắc mưu con sói đầu đàn. Đó là một con sói cái đã già, lông hung hung đỏ. Khi chạy, nó nằm rạp xuống mặt đất và phóng theo một đường chữ chi ngoằn ngoèo. Ông Nhân quyết chí bám riết, dồn nó đến tận cùng hang.

San theo sát bố. Nó đã quen với tiếng rú rít của lũ sói. Ông Nhân dạy con biết cách phân biệt các tín hiệu của loài sói, đầu là tiếng lệnh, tiếng gọi, tiếng kêu sợ hãi, thậm chí đến cách vẫy đuôi cũng có những dấu hiệu riêng. Cho đến cuối ngày, đàn sói đã bị phường săn tiêu diệt gần hết. Phường săn dồn con sói cái đầu đàn vào hang của nó, cái hang sâu, ở đó có những cột nhũ đá rêu bám xanh rì. Con chó sói đã già, từng túm lông lưng đã chuyển sang lốm đốm bạc. Bị dồn vào hang, nó chống cự ác liệt, mắt nó đỏ ngầu. Không hiểu lúc đó nó đã nghĩ gì. Một thoáng, nó nhìn chăm chú ông Nhân như để nhận dạng rồi nó lao vào góc sâu nhất nơi có đàn con đang chụm vào nhau. Nó cố ngoạm được một con sói con thì phát súng nổ. Ông Nhân đã lia cả vào lưng con sói một chùm đạn ghém. Con sói đầu đàn đề lên con sói bé xíu mà nó cắn răng vào giữa đỉnh đầu. Phường săn ào vào, lôi xác con sói đầu đàn và bắt những con sói con. Thằng San gỡ con sói con trong miệng của con sói mẹ mang về. Đây là con sói con đẹp nhất trong đàn sói nhỏ.

Con chó sói con lớn lên giữa lũ chó nhà. Nó có vết răng cắn ở đỉnh đầu, nơi đó thành sẹo lông không mọc được. Con chó sói con được nuôi trong nhà ông Nhân. Nó quen với người, tính nết gần giống chó nhà, chỉ có con mắt và điệu bộ là khác. Mắt nó dữ dằn, điệu bộ của nó lấm lét. Ông Nhân và cả thằng San đều cùng không thích con sói con này. Tuy nhiên, con sói không hề bao giờ làm trái ý người, vật trong nhà. Nó tránh mọi sự va chạm, tính nết của nó ôn hòa rất đổi lạ lùng. Nó không tranh ăn với những con chó khác, không gây sự với ngựa, dê hoặc lợn, gà. Nó sống làm lũ và rất biết điều. Hình như nó biết mọi người trong nhà đều không thích nó.

Thời gian trôi qua, thắm thoát thằng San đến tuổi mười ba. Ông Nhân định ngày cúng ma cho con. Ông bảo người nhà giết hai con lợn, nhân thể giết luôn con chó sói để thết bà con trong bản.

Hôm ấy, khi người nhà chuẩn bị động dao giết lợn thì xảy ra một việc kinh người. Thằng San ngồi cạnh bố, nó mặc bộ áo lạnh đẹp nhất. Nó đã ra dáng vẻ ông chủ. Ông Nhân bảo con đi xem công việc người làm. Thằng San gạt đầu, nó nhảy ba bước xuống cầu thang bằng gỗ vàng hiêng, không may cái ống quần lạnh vướng vào then ngang của cái cầu thang. Nó ngã xuống đất ngay nơi xích con chó sói. Con sói đang nằm lim dim thì bỗng giật mình chồm dậy. Thằng San đập đầu xuống một hòn đá cạnh con chó sói, miệng vấp vào cái dây sắt buộc vào cổ nó. Máu trào ra từ miệng thằng San. Vết máu đỏ từ miệng thằng San thốc tỉnh từ trong tiềm thức mơ hồ của con dã thú một điều gì đấy. Nó chồm lên nhe hàm răng nhọn và trắng nhờn tóe vào giữa cổ thằng San nơi có những vết lang ben mờ mờ. Người nhà ông Nhân hốt hoảng chạy lại. Con chó sói như điên dại không buông tha thằng bé. Nó cắn, cào, nhay, nhá, nó rút từ cổ thằng San ra từng mảnh thịt, từng sợi gân và dây chằng bê bết máu. Thằng San chết ngay, mắt trợn ngược. Cổ nó hõm vào một khoảng trống, từ đấy máu phun ra phì phì, sủi cả bong bóng. Máu phun đầy mặt con sói, nhuộm đỏ cái đầu lông lá bù xù. Người ta vất vả lắm mới kéo được con sói ra.

Ông Nhân cầm rìu tiến về con sói nước mắt rùng rùng. Người ta dạt ra hai bên nhường chỗ cho ông. Ông Nhân run bắn cả người. Con sói rúm lại, xích quẩn vào dưới cầu thang. Dừng lại một lát, bỗng nhiên ông Nhân vung rìu lên và cứ liên hồi chém vào sợi dây xích sắt. Lưỡi rìu quẩn lại, các sợi xích đứt tung. Con sói tru lên một tiếng rồi phóng chạy về phía rừng, trên cổ vẫn còn lòng thòng một đoạn dây ngắn. Đám người đứng quanh ông Nhân sững sờ. Ông Nhân buông rìu quỳ xuống xác đứa con duy nhất, những ngón tay gầy trơ cả khớp xương cày trên mặt đất bê bết máu.

(Trích từ *Những ngọn gió Hua Tát*, Nguyễn Huy Thiệp, NXB Trẻ, 2017)

Câu 1. (1,0 điểm) Chỉ ra một đoạn có sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật trong văn bản “*Sói trả thù*”

Câu 2. (1,0 điểm) Xác định người kể chuyện trong văn bản “*Sói trả thù*”

Việc lựa chọn người kể chuyện này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm?

Câu 3. (1,0 điểm) Ông Nhân đã có thái độ như thế nào trước lời khuyên đừng cho con trai đi rừng sớm của các bô lão? Thái độ đó thể hiện những tính cách nào của nhân vật ông Nhân?

Câu 4. (1,0 điểm) Anh/Chị hiểu như thế nào về hành động “vung rìu lên và cứ liên hồi chém vào sợi dây xích sắt” để thả chú sói về rừng của ông Nhân ở cuối văn bản?

Câu 5. (1,0 điểm) Chỉ ra hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ trong các trường hợp

sau và phân tích tác dụng

Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió,

Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

(Anh thơ, *Chiều xuân*)

Câu 6. (1,0 điểm) Câu chuyện trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về thái độ, tình cảm của con người đối với những loài động vật hoang dã? Hãy viết câu trả lời từ 8 – 10 dòng.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận về nạn săn bắt thú rừng hoang dã được gợi ra truyện ngắn “Sói trả thù” (Nguyễn Huy Thiệp).